TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2022/DS-ST
Ngày: 05/05/2022
"V/v tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Luân;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Phạm Thị Hồng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2020/TLST- DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về *"Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-DS ngày 08/03/2022 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 20/2022/QĐST-DS ngày 08/04/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1979 – có mặt;

Địa chỉ: Thôn 14, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Trọng H – Luật sư Văn phòng Luật sư C, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk – có mặt;

Địa chỉ: 170/16B M, TP. B, tỉnh Đắk Lăk.

Bị đơn: Ông Bùi Đức C – vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn 14, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị Th, chị Bùi Cẩm L và anh Bùi Minh Đ – vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn 14, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình làm việc bên nguyên đơn trình bày:

Theo bản án dân sự số 32/2017/DS-PT ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông thì ông Bùi Đức C có nghĩa vụ phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Vân A số tiền 198.000.000 đồng. Đến nay ông C vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Vân A, chị Nguyễn Thị Vân A đã có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Cư Jút đã ra Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 97/QĐ-CCTHA ngày 16/7/2017. Quá trình giải quyết vụ án Chi cục thi hành án dân sự xác minh tài sản của người được thi hành án của ông C gồm có những tài sản sau đây:

Thửa đất số 487, tờ bản đồ số 12 diện tích 204 m^2 do UBND huyện C cấp ngày 01/06/2009 đứng tên hộ ông Bùi Đức C và bà Vũ Thị Th đất tọa lạc xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông và thửa đất số 533, tờ bản đồ số 12 diện tích 266 m^2 do UBND huyện C cấp ngày 09/06/2010 đứng tên ông Bùi Đức C và bà Vũ Thị Th đất tọa lạc xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Tuy nhiên, Chi Cục Thi hành án dân sự chưa xác định được phần tài sản riêng của ông Bùi Đức C trong khối tài sản chung nên chị Nguyễn Thị Vân A đã khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản riêng của ông C được hưởng trong khối tài sản chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân & gia đình, Điều 74 Luật thi hành án dân sự cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định phần tài sản riêng của ông C được hưởng trong khối tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 12 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 143, Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 164 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 213 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 33 Luật Hôn nhân & Gia đình; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Vân A khởi kiện đề nghị Tòa án xác định phần tài sản mà ông Bùi Đức C được hưởng trong khối tài sản chung theo Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2014, sửa đổi bổ sung năm 2018 đối với thửa đất số 487, tờ bản đồ số 12 diện tích 204 m^2 do UBND huyện C cấp ngày 01/06/2009 đứng tên hộ ông Bùi Đức C và bà Vũ Thị Th đất tọa lạc xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông và thửa đất số 533, tờ bản đồ số 12 diện tích 266 m^2 do UBND huyện C cấp ngày 09/06/2010 đứng tên ông Bùi Đức C và bà Vũ Thị Th đất tọa lạc xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất" Tuy nhiên, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận thấy đây là quan hệ *"Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự"* được quy định tại khoản 12 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Bị đơn hiện đang cư trú tại xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[1.2] Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 của BLTTDS để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chấp hành tốt quy định của BLTTDS, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành quy định của BLTTDS. Như vậy, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS. Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[1.3] Trong quá trình thi hành án, do chưa xác định được phần quyền sử dụng đất của ông Bùi Đức C nên Chấp hành viên đã thông báo cho người phải thi hành án và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tài sản chung để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo nhưng các bên không thỏa thuận được cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Chấp hành viên đã thông báo cho chị Nguyễn Thị Vân A có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của ông C được hưởng. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, chị Nguyễn Thị Vân A đã khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của ông C được hưởng trong khối tài sản chung của ông C, bà Th và hộ gia đình đối với 02 thửa đất trên là phù hợp quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về nguồn gốc sử dụng đất: Đối với thửa đất số 487, tờ bản đồ số 12 diện tích 204 m^2 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 01/06/2009 đứng tên hộ ông Bùi

Đức C và bà Vũ Thị Th. Theo hồ sơ cấp đất, đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 18/03/2009, tại phần kê khai của người sử dụng đất thì tên người sử dụng đất của hộ gia đình ông C, bà Th có 02 thành viên là ông Bùi Đức C và bà Vũ Thị Th ngoài ra không có thành viên hộ nào khác có tên tên trong phần kê khai nguồn gốc đất. Về tài sản trên đất gồm: 01 nhà xây cấp 4, có kết cấu móng xây đá hộc, tường xây gạch ống có tô trát, sơn nước, nền láng xi măng, trần tôn lạnh, mái nhà lợp tôn có diện tích 9 m x 4 m = 36 m^2; 01 nhà tắm + nhà vệ sinh có kết cấu móng xây đá hộc tường ốp gạch men cao 02 m, tường xây gạch ống có tô trát, trần bê tông có diện tích 4 m x 2m = 8 m^2; 01 nhà bếp có kết cấu móng xây đá hộc, nền láng xi măng, tường xây gạch ống, có tô trát, sơn nước, trần đổ bê tông, mái lợp tôn có diện tích 9 m x 3 m = 27 m^2; 01 bể nước có kết cấu thành xây gạch ống có tô trát, nền đổ bê tông, có thể tích 4 m x 2 m = 8 m^3; 01 gác gỗ có kết cấu khung gỗ cột vuông, sàn ván, vách nhôm, có diện tích 4,6 m x 6,3 m = 28,98 m^2; cổng rộng 5 m, 02 trụ cổng xây gạch ống có tô trát, ốp gạch men cao 2,6 m; tường rào xây gạch ống có tô trát, sơn nước, cao 1,7 m, dài 41,7 m; 01 sân bê tông có diện tích 6 m x 9 m = 54 m^2; 01 cây chanh; 02 cây si cao 01 m. Đất và tài sản trên đất là tài sản chung của ông C, bà Th.

Chị Bùi Cẩm L, anh Bùi Minh Đ (con ruột của ông C, bà Th) có tên trong sổ hộ khẩu gia đình tại thời điểm cấp GCNQSDĐ năm 2009, tuy nhiên sau khi xem xét hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông C, bà Th đối với thửa đất số 487, tờ bản đồ số 12 diện tích 204 m^2 do UBND huyện C cấp ngày 01/06/2009 đứng tên hộ ông Bùi Đức C và bà Vũ Thị Th tại phần kê khai các thành viên cấp đất do ông C kê thì tên người sử dụng đất của hộ gia đình ông C, bà Th chỉ có 02 thành viên ông Bùi Đức C, bà Vũ Thị Th ngoài ra không có thành viên hộ nào khác có tên tên trong phần kê khai nguồn gốc đất. Mặt khác, tại thời điểm cấp đất chị L đã lập gia đình, anh Đ còn nhỏ không có đóng góp công sức, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng chị L, anh Đ không hợp tác với Tòa án để làm việc, được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS.

Thửa đất số 533, tờ bản đồ số 12 diện tích 266 m^2 có nguồn gốc do ông Cửu bà Th nhận chuyển nhượng từ ông Trần Thanh T, bà Nguyễn Thị T vào ngày 26/03/2010 đã được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ ngày 09/06/2010 đứng tên ông Bùi Đức C và bà Vũ Thị Th đất tọa lạc xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Về tài sản trên đất gồm: 01 nhà xây cấp 4 (nhà trọ) diện tích 76 m^2 có kết cấu: Móng xây đá hộc, tường xây gạch ống có tô trát, sơn nước, nền láng xi măng, trần tôn lạnh, mái lợp tôn đây được xác định là tài sản chung của ông C, bà Th.

Như vậy, căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân & gia đình và Điều 213 Bộ Luật dân sự 2015 thì thửa đất số 487, tờ bản đồ số 12 do UBND huyện C cấp ngày 01/06/2009 đứng tên hộ ông Bùi Đức C, bà Vũ Thị Th và thửa đất số 533, tờ bản đồ số 12 diện do UBND huyện C cấp ngày 09/06/2010 đứng tên ông Bùi Đức C, bà Vũ Thị Th và toàn bộ tài sản trên 02 thửa đất, tọa lạc xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông đây là tài sản chung của ông C, bà Th.

Theo kết quả chứng thư thẩm định giá tài sản của Công ty TNHH thẩm định giá BTA Việt Nam thì quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất có giá là 442.590.000 đồng; giá trị tài sản trên đất có giá là 284.098.972 đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của ông Cửu, bà Thanh có giá là 726.689.000 đồng (làm tròn).

Từ phân tích trên, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 487, tờ bản đồ số 12 diện tích 204 m^2 do UBND huyện C cấp ngày 01/06/2009 đứng tên hộ ông Bùi Đức C và bà Vũ Thị Th và thửa đất số 533, tờ bản đồ số 12 diện tích 266 m^2 do UBND huyện C cấp ngày 09/06/2010 đứng tên ông Bùi Đức C, bà Vũ Thị Th đất và tài sản trên đất tọa lạc xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông là tài sản chung của ông Bùi Đức C và bà Vũ Thị Th, mỗi người được sở hữu, sử dụng ½ khối tài sản chung.

[3] Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện C là phù hợp nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Cửu phải chịu án phí có giá nghạch tương ứng giá trị tài sản ông C được hưởng ½ tài sản là 363.344.500 đồng x 5% = 18.167.000 đồng (làm tròn).

[6]. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.613.000 đồng trong đó chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy 3.516.000 đồng; chi phí thẩm định giá tài sản 6.097.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp toàn bộ số tiền trên. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên nên bên bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho bên nguyên đơn toàn bộ số tiền 9.613.000 đồng.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 12 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 143, Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 164 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 213 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 33 Luật Hôn nhân & Gia đình; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Vân A.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 487, tờ bản đồ số 12 diện tích 204 m^2 do UBND huyện C cấp ngày 01/06/2009 đứng tên hộ ông Bùi Đức C, bà Vũ Thị Th đất tọa lạc xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông và thửa

đất số 533, tờ bản đồ số 12 diện tích 266 m^2 do UBND huyện C cấp ngày 09/06/2010 đứng tên ông Bùi Đức C, bà Vũ Thị Th đất và tài sản trên đất tọa lạc xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông là tài sản chung của ông Bùi Đức C và bà Vũ Thị Th, mỗi người được sở hữu, sử dụng ½ khối tài sản chung.

2. Về án phí: Buộc ông Bùi Đức C phải nộp 18.167.000 đồng (Mười tám triệu một trăm sáu mười bảy nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả nguyên đơn 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003150 ngày 11/11/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cư Jút.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.613.000 đồng (trong đó chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy 3.516.000 đồng; chi phí thẩm định giá tài sản 6.097.000 đồng). Bên nguyên đơn đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên nên buộc bên bị đơn ông Bùi Đức C có nghĩa vụ thanh toán cho bên nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vân A toàn bộ số tiền 9.613.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án."

Nơi nhận
- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện Cư Jút;*
- *Chi cục THA huyện Cư Jút;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Luân